

Số: 55/BC-BQLVQGPB

Ninh Thuận, ngày 31 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020

Thực hiện Kế hoạch số 3859/KH-UBND ngày 30/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về triển khai thực hiện đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020;

Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình báo cáo tình hình, kết quả thực hiện như sau:

I. Đặc điểm tình hình chung

Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình thành lập theo Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và chịu sự quản lý toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, chịu sự hướng dẫn chuyên, nghiệp vụ của các Sở chuyên ngành.

Ban Quản lý VQG Phước Bình có chức năng bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn, phát huy các giá trị đặc biệt về thiên nhiên, mẫu chuẩn hệ sinh thái, đa dạng sinh học, nguồn gen sinh vật và văn hóa, lịch sử, cảnh quan; nghiên cứu khoa học; cung ứng các dịch vụ môi trường, giáo dục môi trường, nghiên cứu khoa học; đầu tư, liên doanh, liên kết phát triển dịch vụ du lịch theo quy hoạch và quy định của pháp luật.

II. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN)

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo về PCTN

Lãnh đạo đơn vị thường xuyên quán triệt, triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng; kịp thời có các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng theo quy định của Luật PCTN gắn với Chiến lược quốc gia PCTN. Tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Luật PCTN năm 2018; Chỉ thị số 10-CT/TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 12/5/2017 của

Tinh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí, ... gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-BQLVQGPB ngày 07/01/2020 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020; đồng thời, triển khai đến các phòng chuyên môn thuộc đơn vị để tổ chức quán triệt cho từng công chức và người lao động được biết và chấp hành nghiêm túc. Qua đó, đã góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm, thực hiện có hiệu quả việc chấp hành các chuẩn mực xử sự và phòng ngừa tham nhũng trong thi hành công vụ, nhiệm vụ của từng công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

2. Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN

Lãnh đạo đơn vị thường xuyên quán triệt các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện tốt công tác PCTN; xác định công tác phòng, chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của đơn vị; gắn công tác này với công tác cải cách hành chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đơn vị đã xây dựng kế hoạch thực hiện công tác PCTN và các văn bản chỉ đạo thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí như: Việc công khai minh bạch trong các lĩnh vực hoạt động của các cơ quan, đơn vị; xây dựng và thực hiện tốt các quy chế, quy tắc nhất là quy chế chi tiêu nội bộ; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

3. Sơ kết, tổng kết thực hiện công tác thông tin báo cáo đánh giá về PCTN

Định kỳ hàng tháng, quý và năm thực hiện đúng chế độ thông tin báo cáo theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh (gửi Thanh tra tỉnh). Báo cáo số 98/BC-BQLVQGPB ngày 15/12/2021 của Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình.

III. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

1. Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị

Để bảo đảm công khai, minh bạch về hoạt động của đơn vị, đơn vị thường xuyên rà soát, niêm yết công khai tại trụ sở; đồng thời, thường xuyên cập nhật thông tin, dữ liệu có liên quan đến các lĩnh vực đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị tổ chức và cá nhân dễ theo dõi và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí, quản lý chế độ mua sắm tài sản công và tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, kinh phí tiếp khách. Ban Thanh tra nhân dân giám sát, kiểm tra việc chấp hành quy chế của cơ quan, đơn vị đối với công chức, viên chức và người lao động; việc sử dụng kinh phí do ngân sách cấp đúng theo quy định và thực hiện công khai minh

bạch về tài chính trong toàn thể Hội nghị công chức, viên chức năm 2021 của Ban quản lý.

2. Thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp và chuyển đổi vị trí công tác của công chức, viên chức

- Để triển khai và thực hiện tốt Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương được quy định tại Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ; Đơn vị đã ban hành Quyết định số 20/QĐ-BQLVQGPB ngày 06/02/2020 về việc ban hành Quy chế văn hóa công vụ của công chức, viên chức và người lao động; Quyết định số 23/QĐ-BQLVQGPB ngày 06/02/2020 về việc ban hành Quy tắc ứng xử công chức, viên chức và người lao động. Qua đó, đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, thực hiện có hiệu quả việc chấp hành các chuẩn mực xử sự và phòng ngừa tham nhũng trong thi hành công vụ, nhiệm vụ của từng công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

- Hàng năm đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai và thực hiện nghiêm túc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; đồng thời, triển khai đến các đơn vị trực thuộc rà soát thực hiện công tác điều động, luân chuyển, biệt phái công chức, viên chức giữa các cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, đáp ứng nhu cầu bố trí nhân sự phù hợp với vị trí việc làm và trình độ chuyên môn được đào tạo; qua đó, đã góp phần phát huy năng lực trên nhiều lĩnh vực công tác được phân công, không xảy ra tình trạng nhũn nhũn của công chức, viên chức đối với tổ chức và công dân. Năm 2020 đơn vị ban hành Kế hoạch số 10/KH-BQLVQGPB ngày 13/02/2021 về chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định 158/2007/NĐ-CP.

3. Về minh bạch tài sản và thu nhập:

Hàng năm, đơn vị thường xuyên rà soát, hướng dẫn, triển khai và thông báo danh sách công chức thuộc đối tượng phải kê khai tài sản lần đầu và kê khai bổ sung tài sản, thu nhập theo quy định đến các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc Ban quản lý để thực hiện theo quy định. Năm 2020, đã triển khai cho 27 công chức, viên chức thuộc đối tượng kê khai tài sản, thu nhập thực hiện việc kê khai tài sản.

4. Xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan do mình quản lý, phụ trách

Thực hiện đúng theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng. Chi bộ Vườn quốc gia Phước Bình đã chỉ đạo cơ quan, đơn vị quán triệt thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về PCTN. Đến nay, đơn vị không có trường hợp nào có dấu hiệu vi phạm về tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, đơn vị.

5. Xây dựng và thực hiện quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn

Định kỳ hàng năm, đơn vị luôn rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế về định mức chi tiêu và phân phối thu nhập trong nội bộ cơ quan, đơn vị nhằm quản lý và sử dụng tài chính, tài sản công của cơ quan, đơn vị cho phù hợp, hiệu quả và đúng theo quy định pháp luật. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản: Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Ban quản lý thực hiện đổi mới phương thức thanh toán qua tài khoản: các khoản trích nộp theo lương, thanh toán các chi phí hành chính, mua sắm tài sản... theo quy định.

6. Cải cách hành chính và đổi mới công tác quản lý

Áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý tại đơn vị; sử dụng phần mềm văn phòng điện tử vào quản lý hành chính.

7. Việc công khai, minh bạch trong giải quyết công việc

Tổ chức công bố, công khai minh bạch trong giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của đơn vị.

IV. Nhận xét chung

Công tác tuyên truyền, quán triệt các văn bản về công tác PCTN luôn được Chi ủy, Lãnh đạo đơn vị quan tâm. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng được chú trọng chỉ đạo, triển khai thực hiện; đồng thời, xây dựng các tiêu chí thi đua, phát huy vai trò của Ban Thanh tra nhân dân, tăng cường công tác kiểm tra, công khai, minh bạch trong hoạt động, thực hiện chuyển đổi vị trí công tác; thực hiện tốt quy tắc ứng xử; kê khai tài sản, thu nhập; gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí,... đã nâng cao nhận thức, ngăn ngừa vi phạm tham nhũng trong cơ quan, đơn vị. Công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo được tăng cường, góp phần tích cực trong công tác PCTN.

V. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

- Tiếp tục quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng cho toàn thể công chức, viên chức và người lao động của đơn vị; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức: thông qua các đợt sinh hoạt của đơn vị, mở các lớp học tập. Nội dung tuyên truyền phải gắn với nhiệm vụ chuyên môn và cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy chỉ bộ trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức tác phong cho đội ngũ công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, kỷ cương liêm chính, chí công vô tư, đoàn kết nội bộ và đi đầu trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí.

- Thực hiện đúng quy định việc chịu trách nhiệm của công chức, viên chức và người lao động trực thuộc đơn vị; trách nhiệm của người đứng đầu với những sai phạm, tiêu cực xảy ra trong cơ quan, đơn vị mình.

- Giải quyết đơn thư liên quan đến tham nhũng; sơ tổng kết và kịp thời biểu dương, khen thưởng những tổ chức và cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm theo quy định của Pháp luật (nếu có).

- Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong giai đoạn mới; thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống dịch Covid-19, nhất là giải pháp 5K.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện đánh giá công tác PCTN năm 2020 của Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình./.

(Đính kèm theo phụ lục)

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Ban Giám đốc;
- Trang tin điện tử Ban quản lý;
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Vân

- Giải quyết đơn thư liên quan đến tham nhũng; sơ tổng kết và kịp thời biểu dương, khen thưởng những tổ chức và cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm theo quy định của Pháp luật (nếu có).

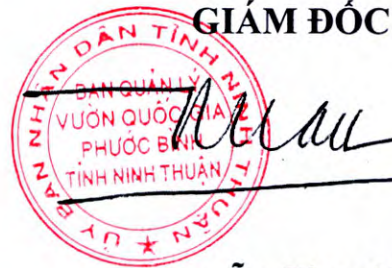
- Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong giai đoạn mới; thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống dịch Covid-19, nhất là giải pháp 5K.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện đánh giá công tác PCTN năm 2020 của Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình./.

(Đính kèm theo phụ lục)

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Ban Giám đốc;
- Trang tin điện tử Ban quản lý;
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Vân

TỔNG HỢP ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số 55/BC-BQLVQG GPB ngày 31/8/2021)

Nội dung tiêu chí đánh giá	Thang điểm	Điểm tự đánh giá
TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)	100	<u>29</u>
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	20	<u>13</u>
A1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo:	4	<u>1</u>
A.1.1 Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	1	1
A.1.2 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	0
A.1.3 Lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN.	1	0
A.1.4 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	0
A.2 Đánh giá việc tổ chức thực hiện:	16	<u>12</u>
A.2.1 Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN	4	4
A.2.1.1 Ban hành kế hoạch triển khai	1	1
A.2.1.2 Kết quả thực hiện	3	3
A.2.2 Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4	0
A.2.2.1 Ban hành kế hoạch	1	0
A.2.2.2 Kết quả thực hiện	3	0
A.2.3 Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4	3
A.2.3.1 Ban hành kế hoạch	1	0
A.2.3.2 Kết quả thực hiện	3	3
A.2.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	2	0
A.2.4.1 Ban hành kế hoạch	1	0
A.2.4.2 Kết quả thực hiện	1	0
A.2.5 Việc tiếp công dân của Giám đốc Sở	2	0
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	35	<u>16</u>
B.1 Công tác phòng ngừa TN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	30	<u>10</u>



B.1.1 Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018	8	8
B.1.2 Kết quả cải cách hành chính (PAR 2020)	2	0
B.1.3 Kết quả việc ban hành, thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	2	2
B.1.4 Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)	6	0
<i>B.1.4.1 Kết quả triển khai thực hiện rà soát XĐLI</i>	3	0
<i>B.1.4.2 Kết quả giải quyết XĐLI</i>	3	0
B.1.5 Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	0	0
B.1.6 Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	6	6
<i>B.1.6.1 Kế hoạch tổ chức thực hiện</i>	2	2
<i>B.1.6.2 Kết quả kê khai TSTN lần đầu</i>	2	2
<i>B.1.6.3 Kết quả công khai TSTN</i>	2	2
B.1.7 Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP (Chỉ thị 10)	6	0
<i>B.1.7.1 Kế hoạch triển khai năm 2020</i>	1	0
<i>B.1.7.2 Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của người dân,</i>	2	0
<i>B.1.7.3 Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10</i>	3	0
B.2 Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức, khu vực ngoài NN	5	0
B.2.1 UBND tỉnh ban hành VB hướng dẫn thực hiện công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	0
B.2.2 Kết quả xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm tra nội bộ trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	0
B.2.3 Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	0
B.2.4 Kết quả kiểm soát XĐLI trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	0
B.2.5 Kết quả thực hiện chế độ trách nhiệm của người đứng đầu trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	0
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHƯNG	35	0
C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng	12	0
C.1.1 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.	4	0
C.1.2 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	4	0
C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	4	0
C.2 Việc xử lý tham nhũng	20	0
C.2.1 Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân	5	0
<i>C.2.1.1 Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đối với tổ chức</i>	2.5	0

<i>C.2.1.2 Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân</i>	2.5	0
<i>C.2.2 Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng</i>	7.5	0
<i>C.2.2.1 Kết quả xử lý qua điều tra</i>	2.5	0
<i>C.2.2.2 Kết quả xử lý qua truy tố</i>	2.5	0
<i>C.2.2.3 Kết quả xử lý qua xét xử</i>	2.5	0
<i>C.2.3 Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.</i>	7.5	0
<i>C.2.3.1 Hình thức khiển trách</i>	2.5	0
<i>C.2.3.2 Hình thức cảnh cáo</i>	2.5	0
<i>C.2.3.3 Hình thức cách chức</i>	2.5	0
C.3 Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi qua phát hiện các hành vi tham nhũng	3	0
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHƯNG	10	0
D.1 Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính	5	0
D.2 Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp	5	0



**THUYẾT MINH TỰ ĐÁNH GIÁ
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2020**

(Kèm theo Báo cáo số 55/BC-BQLVQG GPB ngày 31/8/2021)

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm	CÁCH TÍNH ĐIỂM	Điểm tự đánh giá	TÀI LIỆU, SỐ LIỆU CHỨNG MINH
TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)	100		<u>29</u>	
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	20		<u>13</u>	
A1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo:	4		<u>1</u>	
A.1.1 Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	1	Có VB chỉ đạo hoặc KH triển khai: 1 điểm	1	Chương trình số 01/CTr-BQLVQG GPB ngày 16/3/2020 Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2020
A.1.2 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	Có VB chỉ đạo hoặc KH triển khai: 1 điểm	0	
A.1.3 Lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN.	1	Có VB chỉ đạo hoặc KH triển khai: 1 điểm	0	
A.1.4 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	Có VB chỉ đạo hoặc KH triển khai: 1 điểm	0	
A.2 Đánh giá việc tổ chức thực hiện:	16		<u>11</u>	
A.2.1 Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN	4		4	



A.2.1.1 Ban hành kế hoạch triển khai	1	(Số sở, ngành, huyện ban hành KH, VB triển khai/ Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 1	1	- Kế hoạch số 02/KH-BQLVQGPPB ngày 07/01/2020 về công tác phòng chống tham nhũng năm 2020
A.2.1.2 Kết quả thực hiện	3	(Số sở, ngành, huyện ban hành KH, VB triển khai/ Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 3	3	- Báo cáo số 98/BC-BQLVQGPPB ngày 15/12/2021 của Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình. - Báo cáo số 05/BC-BQLVQGPPB ngày 14/01/2021 Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020
A.2.2 Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4		0	
A.2.2.1 Ban hành kế hoạch	1	(Số sở, ngành, huyện ban hành KH, VB triển khai/ Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 1	0	
A.2.2.2 Kết quả thực hiện	3	(Số sở, ngành, huyện ban hành KH, VB triển khai/ Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 3	0	
A.2.3 Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4		3	

A.2.3.1 Ban hành kế hoạch	1	(Số sở, ngành, huyện ban hành KH, VB triển khai/ Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 1	0	
A.2.3.2 Kết quả thực hiện	3	(Số sở, ngành, huyện ban hành KH, VB triển khai/ Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 3	3	- Lồng ghép thông qua các buổi sinh hoạt Chi bộ và công đoàn thứ 2 hàng tháng
A.2.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	2		0	
A.2.4.1 Ban hành kế hoạch	1	(Số sở, ngành, huyện ban hành KH, VB triển khai/ Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 1	0	
A.2.4.2 Kết quả thực hiện	1	(Số sở, ngành, huyện ban hành KH, VB triển khai/ Tổng số sở, ngành, huyện thuộc UBND tỉnh) x 1	0	
A.2.5 Việc tiếp công dân của Giám đốc Sở	2	Tiếp công dân tối thiểu mỗi tháng 1 lần, mỗi lần đạt 0.16 điểm	0	
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	35		<u>16</u>	

B.1 Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	30		<u>10</u>	
B.1.1 Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018	8	Mỗi sở, ngành, quận, huyện công khai thiếu 1 nội dung theo quy định tại Điều 10 Luật PCTN 2018 bị trừ 0.2 điểm	8	- Thực hiện công khai, minh bạch tài chính số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 theo Quyết định QĐ số 07/QĐ-BQLVQGPB ngày 17/01/2020 của BQLVQGPB
B.1.2 Kết quả cải cách hành chính (PAR 2020)	2	Điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR index 2020). (Điểm PAR của UBND tỉnh năm 2020) x 2/100%	0	
B.1.3 Kết quả việc ban hành, thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	2	(Số sở, ngành, quận, huyện kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC/ Tổng số sở, ngành, quận, huyện thuộc UBND tỉnh) x 2	2	- Quyết định số 06/QĐ-BQLVQGPB ngày 02/01/2020 Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020
B.1.4 Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)	6		0	Không có
B.1.4.1 Kết quả triển khai thực hiện rà soát XĐLI	3	(Số sở, ngành, quận, huyện tổ chức rà soát/ Tổng số sở, ngành, quận, huyện thuộc UBND tỉnh) x 3	0	Không có

B.1.4.2 Kết quả giải quyết XĐLI	3	Giải quyết một vụ: Được tính 1 điểm Giải quyết hai vụ: Được tính 2 điểm Giải quyết từ ba vụ trở lên: Được tính 3 điểm.	0	Không có
B.1.5 Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	0	Lý do: Năm 2020, chưa ban hành đầy đủ các văn bản quy định về chuyển đổi vị trí công tác của CB CC VC.	0	- Kế hoạch số 10/KH-BQLVQGPB ngày 13/03/2020 chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức năm 2020 - Báo cáo số 111/BC-BQLVQGPB ngày 31/12/2020 kết quả thực hiện chuyển đổi VTCT năm 2020
B.1.6 Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	6		<u>6</u>	
B.1.6.1 Kế hoạch tổ chức thực hiện	2	UBND tỉnh có ban hành KH thực hiện: 2 điểm.	2	- Kế hoạch số 13a/KH-BQLVQGPB ngày 12/4/2021 về thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2020
B.1.6.2 Kết quả kê khai TSTN lần đầu	2	(Số người KK/ Tổng số người phải KK) x 2	2	- Báo cáo số 28/BC-BQLVQGPB ngày 04/5/2021 kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2020
B.1.6.3 Kết quả công khai TSTN	2	(Số bản đã CK/ Tổng số BKK) x 2	2	Niên yết công khai tại đơn vị
B.1.7 Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP (Chỉ thị 10)	6		0	

B.1.7.1 Kế hoạch triển khai năm 2020	1	UBND tỉnh có ban hành KH thực hiện Chỉ thị 10 năm 2020: 1 điểm	0	
B.1.7.2 Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp	2	(Số kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp đã được xử lý/ Tổng số kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp đã tiếp nhận) x 2	0	
B.1.7.3 Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10	3	(Số người bị xử lý/ Tổng số người vi phạm) x 3.0	0	Không có
B.2 Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức, khu vực ngoài NN Bao gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức XH do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh	5		0	-
B.2.1 UBND tỉnh ban hành VB hướng dẫn thực hiện công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	UBND tỉnh có VB hướng dẫn thực hiện: 1 điểm	0	-

B.2.2 Kết quả xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm tra nội bộ trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	(Số DN, tổ chức khu vực ngoài NN có xây dựng, thực hiện QTUX, cơ chế kiểm tra nội bộ/ Tổng số DN, tổ chức khu vực ngoài NN trên địa bàn) x 1	0	-
B.2.3 Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	Số DN, tổ chức khu vực ngoài NN có thực hiện công khai, minh bạch/ Tổng số DN, tổ chức khu vực ngoài NN trên địa bàn) x 1	0	-
B.2.4 Kết quả kiểm soát XĐLI trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	(Số DN, tổ chức khu vực ngoài NN có kiểm soát XĐLI, cơ chế kiểm tra nội bộ/ Tổng số DN, tổ chức khu vực ngoài NN trên địa bàn) x 1	0	-
B.2.5 Kết quả thực hiện chế độ trách nhiệm của người đứng đầu trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	1	(Số DN, tổ chức khu vực ngoài NN có quy định chế độ trách nhiệm của người đứng đầu/ Tổng số DN, tổ chức khu vực ngoài NN trên địa bàn) x 1	0	-

C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	35		0	
C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng	12		0	
C.1.1 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.	4	{(Số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi có dấu hiệu TN/ Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện) + (Số cuộc giám sát phát hiện hành vi có dấu hiệu TN/ Tổng số cuộc giám sát thực hiện) + (Số cuộc thanh tra phát hiện TN/ Tổng số cuộc thanh tra thực hiện)}x4	0	- Các cuộc kiểm tra phát hiện hành vi có dấu hiệu TN: Không có - Các cuộc thanh tra phát hiện hành vi có dấu hiệu TN: Không có - Các cuộc giám sát phát hiện hành vi có dấu hiệu TN: Không có
C.1.2 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	4	{(Số tin phản ánh phát hiện hành vi có dấu hiệu TN/ Tổng số tin phản ánh trong toàn tỉnh) + (Số đơn tố cáo phát hiện hành vi có dấu hiệu TN/ Tổng số đơn tố cáo trong toàn tỉnh)}x4	0	- Các tin phản ánh phát hiện hành vi có dấu hiệu TN: Không có - Các cuộc giải quyết tố cáo phát hiện hành vi có dấu hiệu TN: Không có

C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	4	{{(Số vụ án TN được khởi tố/ Tổng số vụ việc liên quan TN (tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố)) + (Số vụ án QĐ truy tố TN/ Tổng số vụ án đề nghị truy tố liên quan TN) + (Số vụ án TN đưa ra xét xử/ Tổng số vụ án tiếp nhận liên quan TN)}}x4	0	Kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2020: Không có
C.2 Việc xử lý tham nhũng	20		0	
C.2.1 Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân	5		0	
C.2.1.1 Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đối với tổ chức	2.5	(Số tổ chức bị xử lý KL hành chính do để xảy ra TN/ Tổng số tổ chức phát hiện hành vi tham nhũng) x 2.5	0	- Các tổ chức bị xử lý KL hành chính do để xảy ra TN: Không có - Tổng số tổ chức phát hiện hành vi tham nhũng: Không có
C.2.1.2 Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân	2.5	(Số người có hành vi TN bị xử lý KL hành chính/ Tổng số người có hành vi TN đã phát hiện) x 2.5	0	- Danh sách người có hành vi TN bị xử lý KL hành chính: Không có - Tổng số người có hành vi TN đã phát hiện: Không có
C.2.2 Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7.5		0	

C.2.2.1 Kết quả xử lý qua điều tra	2.5	(Số người cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi TN/ Tổng số người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan TN) x 2.5	0	Kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2020: Không có
C.2.2.2 Kết quả xử lý qua truy tố	2.5	(Số người do Viện KS truy tố về hành vi TN/ Tổng số người có hành vi TN bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi TN) x 2.5	0	Kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2020: Không có
C.2.2.3 Kết quả xử lý qua xét xử	2.5	(Số người do Tòa án kết án tội phạm TN/ Tổng số người do Viện KS truy tố về hành vi TN) x 2.5	0	Kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2020: Không có
C.2.3 Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7.5		0	
C.2.3.1 Hình thức khiển trách	2.5	(Số Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý khiển trách/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng trên địa bàn) x 2.5 Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.	0	- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý khiển trách, cảnh cáo, cách chức để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Không có - Số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng: Không có.

C.2.3.2 Hình thức cảnh cáo	2.5	(Số Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý cảnh cáo/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng trên địa bàn) x 2.5 Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.	0	- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý khiển trách, cảnh cáo, cách chức để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Không có - Số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng: Không có.
C.2.3.3 Hình thức cách chức	2.5	(Số Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý cách chức/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn) x 2.5 Không có trường hợp xử lý: 0 điểm.	0	- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý khiển trách, cảnh cáo, cách chức để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Không có - Số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng: Không có.
C.3 Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi qua phát hiện các hành vi tham nhũng	3	(Số lượng tiền, tài sản TN được kiến nghị thu hồi/Tổng số tiền, tài sản đã phát hiện TN) x 3	0	
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHƯNG	10		0	

D.1 Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính	5	(Số tiền, tài sản đã thu hồi/ Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) qua biện pháp hành chính) x 5	0	- Số tiền, tài sản đã thu hồi qua biện pháp hành chính theo từng vụ việc: Không có - Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) qua biện pháp hành chính: Không có
D.2 Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp	5	(Số tiền, tài sản đã thu hồi/ Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) bởi cơ quan thi hành án) x 5	0	- Số tiền, tài sản đã thu hồi qua biện pháp tư pháp theo từng vụ việc: Không có - Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) qua biện pháp tư pháp: Không có

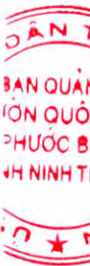
DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU CHỨNG MINH
THEO BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN 2020
(Kèm theo Báo cáo số 55/BC-BQLVQG GPB ngày 31/8/2021)

A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	TÀI LIỆU, SỐ LIỆU CHỨNG MINH <i>(Sở, ngành, quận, huyện ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng)</i>
A1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo:	
A.1.1 Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	- Chương trình số 01/CTr-BQLVQG GPB ngày 16/3/2020 Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2020
A.1.2 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	
A.1.3 Lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN.	
A.1.4 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	
A.2 Đánh giá việc tổ chức thực hiện:	
A.2.1 Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN	
A.2.1.1 Ban hành kế hoạch triển khai	- Kế hoạch số 02/KH-BQLVQG GPB ngày 07/01/2020 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020

A.2.1.2 Kết quả thực hiện	- Báo cáo số 98/BC-BQLVQGPGPB ngày 15/12/2021 của Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình. - Báo cáo số 05/BC-BQLVQGPGPB ngày 14/01/2021 Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020
A.2.2 Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	
A.2.2.1 Ban hành kế hoạch	
A.2.2.2 Kết quả thực hiện	
A.2.3 Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	- Lồng ghép thông qua các buổi sinh hoạt Chi bộ và công đoàn thứ 2 hàng tháng
A.2.3.1 Ban hành kế hoạch	
A.2.3.2 Kết quả thực hiện	
A.2.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	
A.2.4.1 Ban hành kế hoạch	
A.2.4.2 Kết quả thực hiện	
A.2.5 Việc tiếp công dân của Giám đốc Vườn	
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	
B.1 Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	

B.1.1 Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018

- Thực hiện công khai, minh bạch tài chính số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 theo Quyết định QĐ số 07/QĐ-BQLVQGPB ngày 17/01/2020 của BQLVQGPB; Quyết định số 111/QĐ-BQLVQGPB ngày 27/11/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc khen thưởng thành tích công tác năm 2020; Quyết định số 20/QĐ-BQLVQGPB ngày 06/02/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc ban hành Quy chế văn hóa công sở; Quyết định số 23/QĐ-BQLVQGPB ngày 06/02/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc ban hành Quy tắc ứng xử công chức, viên chức và người lao động; Quyết định số 16/QĐ-BQLVQGPB ngày 06/02/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với công chức Đạo Duy Anh; Quyết định số 17/QĐ-BQLVQGPB ngày 06/02/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với công chức Thiết Ngọc Anh; Quyết định số 18/QĐ-BQLVQGPB ngày 06/02/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với công chức Lê Ngọc Hòa; Quyết định số 33/QĐ-BQLVQGPB ngày 30/03/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với viên chức Trần Thị Thùy Dung; Quyết định số 37/QĐ-BQLVQGPB ngày 27/05/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với công chức Lưu Đăng Công Tuyên; Quyết định số 52/QĐ-BQLVQGPB ngày 30/7/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với viên chức Nguyễn Văn Tạo; Quyết định số 71/QĐ-BQLVQGPB ngày 24/9/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với viên chức Cao Trọng Đạo; Quyết định số 72/QĐ-BQLVQGPB ngày 24/9/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với viên chức Huỳnh Tấn Phi; Quyết định số 73/QĐ-BQLVQGPB ngày 24/9/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với viên chức Võ Đăng Khiêm; Quyết định số 101/QĐ-BQLVQGPB ngày 29/10/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với viên chức Nào Duy Pháp; Quyết định số 62/QĐ-BQLVQGPB ngày 31/8/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc thi hành kỷ luật đối với công chức Lộ Phú Sáng; Quyết định số 63/QĐ-BQLVQGPB ngày 31/8/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc thi hành kỷ luật đối với công chức Phạm Văn Thành.



B.1.2 Kết quả cải cách hành chính (PAR 2020)	
B.1.3 Kết quả việc ban hành, thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	- Quyết định số 06/QĐ-BQLVQGPB ngày 02/01/2020 Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020
B.1.4 Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)	Không có
<i>B.1.4.1 Kết quả triển khai thực hiện rà soát XĐLI</i>	Không có
<i>B.1.4.2 Kết quả giải quyết XĐLI</i>	Không có
B.1.5 Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	- Kế hoạch số 10/KH-BQLVQGPB ngày 13/03/2020 chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức năm 2020 - Báo cáo số 111/BC-BQLVQGPB ngày 31/12/2020 kết quả thực hiện chuyển đổi VTCT năm 2020
B.1.6 Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	
<i>B.1.6.1 Kế hoạch tổ chức thực hiện</i>	- Kế hoạch số 13a/KH-BQLVQGPB ngày 12/4/2021 về thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2020
<i>B.1.6.2 Kết quả kê khai TSTN lần đầu</i>	- Báo cáo số 28/BC-BQLVQGPB ngày 04/5/2021 kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2020
<i>B.1.6.3 Kết quả công khai TSTN</i>	- Niêm yết công khai tại đơn vị
B.1.7 Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP (Chỉ thị 10)	
<i>B.1.7.1 Kế hoạch triển khai năm 2020</i>	

B.1.7.2 Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp	
B.1.7.3 Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10	Không có
B.2 Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức, khu vực ngoài NN Bao gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức XH do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh	-
B.2.1 UBND tỉnh ban hành VB hướng dẫn thực hiện công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	-
B.2.2 Kết quả xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm tra nội bộ trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	-
B.2.3 Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	-
B.2.4 Kết quả kiểm soát XDLI trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	-
B.2.5 Kết quả thực hiện chế độ trách nhiệm của người đứng đầu trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	-

C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG	
C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng	
C.1.1 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.	- Các cuộc kiểm tra phát hiện hành vi có dấu hiệu TN: Không có - Các cuộc thanh tra phát hiện hành vi có dấu hiệu TN: Không có - Các cuộc giám sát phát hiện hành vi có dấu hiệu TN: Không có
C.1.2 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	- Các tin phản ánh phát hiện hành vi có dấu hiệu TN: Không có - Các cuộc giải quyết tố cáo phát hiện hành vi có dấu hiệu TN: Không có
C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	Kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2020: Không có
C.2 Việc xử lý tham nhũng	
C.2.1 Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân	
C.2.1.1 Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đối với tổ chức	- Các tổ chức bị xử lý KL hành chính do để xảy ra TN: Không có - Tổng số tổ chức phát hiện hành vi tham nhũng: Không có
C.2.1.2 Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân	- Danh sách người có hành vi TN bị xử lý KL hành chính: Không có - Tổng số người có hành vi TN đã phát hiện: Không có
C.2.2 Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	
C.2.2.1 Kết quả xử lý qua điều tra	Kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2020: Không có
C.2.2.2 Kết quả xử lý qua truy tố	Kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2020: Không có
C.2.2.3 Kết quả xử lý qua xét xử	Kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm 2020: Không có

C.2.3 Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	
C.2.3.1 Hình thức khiển trách	- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý khiển trách, cảnh cáo, cách chức để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Không có - Số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng: Không có.
C.2.3.2 Hình thức cảnh cáo	- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý khiển trách, cảnh cáo, cách chức để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Không có - Số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng: Không có.
C.2.3.3 Hình thức cách chức	- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý khiển trách, cảnh cáo, cách chức để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Không có - Số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng: Không có.
C.3 Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi qua phát hiện các hành vi tham nhũng	0
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHƯNG	
D.1 Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính	- Số tiền, tài sản đã thu hồi qua biện pháp hành chính theo từng vụ việc: Không có - Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) qua biện pháp hành chính: Không có
D.2 Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp	- Số tiền, tài sản đã thu hồi qua biện pháp tư pháp theo từng vụ việc: Không có - Tổng số tiền, tài sản phải thu hồi (bao gồm cả số tiền, tài sản những năm trước chưa thu hồi được, tính tại kỳ đánh giá) qua biện pháp tư pháp: Không có

DANH MỤC TÀI LIỆU CHỨNG MINH
ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG 2020
(Kèm theo Báo cáo số 55/BC-BQLVQG PB ngày 31/8/2021)

Tài liệu chứng minh	Đường dẫn điện tử
A. Tài liệu đánh giá việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng	Nhấn Ctrl + Click để xem tài liệu
<u>- Kế hoạch số 02/KH-BQLVQGPB ngày 07/01/2020 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020</u>	nt
<u>- Báo cáo số 98/BC-BQLVQGPB ngày 15/12/2021 của Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình.</u>	nt
<u>- Chương trình số 01/CTr – BQLVQGPB ngày 13/6/ 2020 Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2020; Báo cáo số 05 BC/BQLVQGPB ngày 14/01/2021 báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2020.</u>	nt
A. Tài liệu đánh giá việc thực hiện các biện pháp về phòng, chống tham nhũng	
<u>- Kế hoạch số 10/KH-BQLVQGPB ngày 13/3/2020 về việc chuyển đổi vị trí công tác năm 2020.</u>	nt
<u>- Báo cáo số 111/BC-BQLVQGPB ngày 31/12/2020 về kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác năm 2020.</u>	nt
<u>- Kế hoạch số 13a/KH-BQLVQGPB ngày 12/4/2021 về việc thực hiện kiểm soát tài sản thu nhập năm 2020.</u>	nt
<u>- Báo cáo số 28/BC-BQLVQGPB ngày 04/5/2021 về kết quả thực hiện kiểm soát tài sản thu nhập năm 2020.</u>	nt
<u>- Thực hiện công khai, minh bạch tài chính số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 theo QĐ số 07/QĐ-BQLVQGPB ngày 17/01/2020.</u>	nt
<u>- QĐ số 06/QĐ-BQLVQGPB ngày 02/01/2020 ban hành quy chế chi tiêu nội bộ.</u>	nt
Tài liệu về khen thưởng, Quy chế văn hóa, Quy tắc ứng xử	



- Quyết định số 111/QĐ-BQLVQGPB ngày 27/11/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc khen thưởng thành tích công tác năm 2020	nt
- Quyết định số 20/QĐ-BQLVQGPB ngày 06/02/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc ban hành Quy chế văn hóa công sở.	nt
- Quyết định số 23/QĐ-BQLVQGPB ngày 06/02/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc ban hành Quy tắc ứng xử công chức, viên chức và người lao động.	nt
Tài liệu về nâng bậc lương, kỷ luật	
- Quyết định số 16/QĐ-BQLVQGPB ngày 06/02/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với công chức Đào Duy Anh.	nt
- Quyết định số 17/QĐ-BQLVQGPB ngày 06/02/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với công chức Thiết Ngọc Anh.	nt
- Quyết định số 18/QĐ-BQLVQGPB ngày 06/02/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với công chức Lê Ngọc Hòa.	nt
- Quyết định số 33/QĐ-BQLVQGPB ngày 30/03/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với viên chức Trần Thị Thùy Dung.	nt
- Quyết định số 37/QĐ-BQLVQGPB ngày 27/05/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với công chức Lưu Đăng Công Tuyển.	nt
- Quyết định số 52/QĐ-BQLVQGPB ngày 30/7/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với viên chức Nguyễn Văn Tạo.	nt
- Quyết định số 71/QĐ-BQLVQGPB ngày 24/9/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với viên chức Cao Trọng Đạo.	nt
- Quyết định số 72/QĐ-BQLVQGPB ngày 24/9/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với viên chức Huỳnh Tấn Phi.	nt

- Quyết định số 73/QĐ-BQLVQGPB ngày 24/9/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với viên chức Võ Đăng Khiêm.	nt
- Quyết định số 101/QĐ-BQLVQGPB ngày 29/10/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc nâng bậc lương đối với viên chức Nào Duy Pháp.	nt
- Quyết định số 62/QĐ-BQLVQGPB ngày 31/8/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc thi hành kỷ luật đối với công chức Lô Phú Sáng.	nt
- Quyết định số 63/QĐ-BQLVQGPB ngày 31/8/2020 của Giám đốc Ban quản lý VQG Phước Bình về việc thi hành kỷ luật đối với công chức Phạm Văn Thành.	nt

